

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2021/HNGĐ-ST

Ngày 16-8-2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giàng A Tăng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bạc Thị Hồng và bà Lê Thị Thanh Thùy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Lượng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 98/2021/TLST- HN&GD ngày 19 tháng 4 năm 2021 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Quàng Thị K**, năm sinh 1986 – vắng mặt.

Địa chỉ: Bản TC, xã CS, huyện TG, tỉnh DB.

2. Bị đơn: Anh **Quàng Văn L**, sinh năm 1985 – có mặt.

Địa chỉ: Bản TC, xã CS, huyện TG, tỉnh DB.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Quàng Thị K trình bày:

- Về hôn nhân: Chị K và anh L chung sống như vợ chồng, tự nguyện xây dựng gia đình với nhau năm 2005. Đến năm 2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CS, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên ngày 16/6/2014 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 69/2014 ngày 16/6/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Quàng Văn L nghiện ma túy và đưa tài sản cá nhân của chị K như điện thoại, giấy tờ tùy thân đi cầm cố lấy tiền tiêu xài, có hành vi bạo lực gia đình đánh đập chị K làm cho cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm vợ

chồng phai nhạt. Nay chị K xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Quảng Văn L.

- Về con chung: Chị K và anh L có 02 người con chung, là Quảng Thị H, sinh ngày 18/12/2005; Quảng Thị Hi, sinh ngày 18/3/2008. Khi ly hôn theo nguyện vọng của các con, con theo ai thì người đó trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Trường hợp con có nguyện vọng ở với chị K thì chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, riêng; nợ chung, riêng: Chị Quảng Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Quảng Văn L khai: Anh L thống nhất với ý kiến của chị K về tình trạng hôn nhân. Anh chị tự nguyện xây dựng gia đình với nhau năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CS, huyện Tuần Giáo ngày 16/6/2014. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, anh L không có hành vi bạo lực gia đình đánh đập chị K. Năm 2018 chị K tự ý bỏ nhà đi, không cho anh L biết đi đâu, làm gì. Anh L cho rằng chị K có hành vi ngoại tình với người đàn ông khác, anh L thừa nhận có sử dụng và nghiện chất ma túy nhưng từ năm 2021 đã đăng ký uống methadone, không sử dụng ma túy. Nay chị K yêu cầu ly hôn, anh L không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh L thống nhất với ý kiến trình bày của chị K, anh chị có 02 người con chung là Quảng Thị H, sinh ngày 18/12/2005; Quảng Thị Hi, sinh ngày 18/3/2008. Về chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con khi ly hôn. Anh L thống nhất theo nguyện vọng của các con, con theo ai thì người đó trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Trường hợp các con có nguyện vọng ở với anh L thì anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con và không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tại bản tự khai anh L đề nghị giải quyết tài sản chung của anh và chị K là 01 xe máy Honda Air Blade, 8,5 chỉ vàng 9999 và tiền mặt 75.000.000đ (*bảy lăm triệu đồng*). Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành lấy lời khai và tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh L không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung, trường hợp yêu cầu giải quyết thì mới khởi kiện bằng vụ án khác.

- Về nợ chung, riêng: Anh Quảng Văn L không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tiến hành xác minh tại địa phương và gia đình cho thấy: Chị K và anh L tự nguyện xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định. Anh L, chị K có 02 người con chung là Quảng Thị H, Quảng Thị Hi nhưng hiện cháu H, cháu Hi không ở cùng chị K, anh L mà các cháu đang đi làm công nhân ở các tỉnh miền xuôi. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do anh L nghiện ma túy và thường có hành vi gây gổ với gia đình, vợ con (BL 44), còn chị K hiện nay cũng đang đi làm công nhân xây dựng ở các tỉnh miền xuôi và thỉnh thoảng mới về.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 02 tháng 8 năm 2021, nguyên đơn chị

Quàng Thị K trình bày hiện nay đang làm công nhân xây dựng ở tỉnh Hải Phòng và do tình hình dịch covid diễn biến phức tạp, tỉnh Hải Phòng đang thực hiện giãn cách xã hội nên chị K không về tham dự phiên tòa, đề nghị xét xử vụ án vắng mặt chị K. Chị K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Về hôn nhân: Chị K giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Quàng Văn L.

- Về con chung, tài sản chung, riêng; nợ chung, riêng: Chị K giữ nguyên ý kiến như yêu cầu khởi kiện, bản tự khai và quá trình hòa giải tại Tòa án.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Quàng Văn L thừa nhận có nghiện ma túy nhưng đang uống methadone, không còn sử dụng ma túy. Anh L không đánh đập chị K và không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh L đồng ý giao con chung Quàng Thị H, Quàng Thị Hi cho chị Quàng Thị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh L chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh L đề nghị Tòa án xem xét giải quyết chia tài sản chung của anh và chị K là 01 xe máy Honda Air Blade; 01 dây chuyền 3,5 chỉ vàng 9999; 01 đôi bông tai 2,5 chỉ vàng 9999, 01 châm tăng cầu 1,5 chỉ vàng 9999 và số tiền mặt 75.000.000đ (*bảy lăm triệu đồng*).

- Về nợ chung, riêng:

+ *Nợ phải trả*: Anh L không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ *Nợ phải thu*: Anh L đề nghị Tòa án giải quyết đối với số tiền 17.000.000đ mà anh L, chị K cho ông Tin ở bản TC, xã CS, huyện Tuần Giáo vay.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng theo quy định của pháp luật, từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng chị Quàng Thị K, anh Quàng Văn L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị Quàng Thị K yêu cầu ly hôn. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị K, xử cho chị K được ly hôn với anh Quàng Văn L.

- Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các đương sự, giao cháu Quàng Thị H, sinh ngày 18/12/2005, cháu Quàng Thị Hi, sinh ngày 18/3/2008 cho chị Quàng Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Quàng Văn L chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, riêng; nợ chung, riêng: Chị Quàng Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết, không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

+ Tại phiên tòa anh L yêu cầu giải quyết về tài sản chung là 01 xe máy Honda Air Blade; 01 dây chuyền 3,5 chỉ vàng 9999; 01 đôi bông tai 2,5 chỉ vàng

9999; 01 chân tảng cầu 1,5 chỉ vàng 9999 và số tiền mặt 75.000.000đ (bảy lăm triệu đồng) và nợ phải thu 17.000.000đ anh L, chị K cho ông Tin vay. Anh Quảng Văn L có quyền khởi kiện đề yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Quảng Thị K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Quảng Thị K có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Quảng Văn L có địa chỉ tại bản TC, xã CS, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

Tại phiên tòa ngày 19/7/2021 chị K vắng mặt, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Quảng Thị K vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Quảng Thị K và anh Quảng Văn L kết hôn trên sự tự nguyện của hai bên và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CS, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên. Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 69/2014 ngày 16/6/2014 của UBND xã CS (BL 03) xác định quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh L là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình 2000.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Chị K, anh L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh L nghiện ma túy và có hành vi gây gổ với gia đình, vợ con, dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, phai nhạt. Chị K không muốn tiếp tục duy trì hôn nhân với anh L và yêu cầu xin ly hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị K, anh L được thể hiện qua biên bản xác minh của Tòa án (BL 44). Hội đồng xét xử nhận định chị K không còn tình cảm với anh L, xuất phát từ việc anh L nghiện ma túy, chị K đã động viên anh L cai nghiện nhưng anh L không chịu tu chí, rèn luyện bản thân cai nghiện ma túy. Về tình cảm vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng nhau. Điều đó thể hiện tình trạng hôn nhân của chị K, anh L đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ tình trạng hôn nhân và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Quảng Thị K.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị K, anh L có 02 người con chung là Quảng Thị H, sinh ngày 18/12/2005; Quảng Thị Hi, sinh ngày 18/3/2008. Hội đồng xét xử thấy nguyện vọng của các con đều muốn ở cùng chị K. Chị K và anh L đều thống nhất khi ly hôn theo nguyện vọng của các con, con ở với ai thì người đó trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Căn cứ vào nguyện vọng của con và điều kiện, hoàn cảnh thực tế của hai bên, giao cho chị Quảng Thị K trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Quàng Thị H, sinh ngày 18/12/2005; Quàng Thị Hi, sinh ngày 18/3/2008 là phù hợp theo quy định tại Điều 58, Điều 69, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị K, anh L.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, chị K không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Quàng Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa anh Quàng Văn L yêu cầu giải quyết tài sản chung là 01 xe máy Honda Air Blade, 01 dây chuyền 3,5 chỉ vàng 9999, 01 đôi bông tai 2,5 chỉ vàng 9999, 01 chân nhẫn cầu 1,5 chỉ vàng 9999 và số tiền mặt 75.000.000đ (*bảy mươi lăm triệu đồng*) và nợ phải thu 17.000.000đ anh L, chị K cho ông Tin vay. Xét thấy yêu cầu này của anh Quàng Văn L quá trình giải quyết vụ án tại biên bản lấy lời khai (BL 43) anh L khai về tài sản chung, nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết, trường hợp yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (BL 58, 59) anh L không đề nghị Tòa án giải quyết đối với tài sản chung, nợ chung. Do vậy yêu cầu của anh L Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này, anh L có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Án phí: Chị Quàng Thị K là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Chị K được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 69, 71, 72, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 9, Điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Quàng Thị K được ly hôn anh Quàng Văn L.

2. Về con chung: Giao Quàng Thị H, sinh ngày 18/12/2005; Quàng Thị Hi, sinh ngày 18/3/2008 cho chị Quàng Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Anh Quàng Văn L chưa cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Quàng Thị K có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; anh Quàng Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản

trở. Chị Quàng Thị K và anh Quàng Văn L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn. Khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho chị Quàng Thị K.

4. Quyền kháng cáo: Anh Quàng Văn L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 16/8/2021). Chị Quàng Thị K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- UBND xã CS, huyện Tuần Giáo;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Giàng A Tăng

